

# Mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học trực tuyến các môn Lý luận chính trị

*Hồ Bảo\**, *Phạm Quốc Trung\*\**, *Nguyễn Tấn Vương\*\*\**

*\*Khoa Luật, Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh*

*\*\*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*

*\*\*\*Trường THCS Lương Thế Vinh, Thành phố Cần Thơ*

*Received: 27/11/2024; Accepted: 4/12/2024; Published: 12/12/2024*

**Abstract:** *The flipped classroom model has become a prominent innovation trend in education, particularly in online teaching of political theory courses. This article explores the concept, benefits, and specific characteristics of the flipped classroom model when applied to the teaching of political theory. It also highlights the challenges and difficulties encountered during its implementation. Based on this analysis, the article proposes several solutions to effectively apply the flipped classroom model, aiming to enhance teaching quality and foster learner engagement and proactivity in an online learning environment.*

**Keywords:** *Online teaching, flipped classroom, political theory*

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, giáo dục đang trải qua những thay đổi sâu sắc, đặc biệt là trong phương pháp giảng dạy. Mô hình lớp học đảo ngược (LHĐN) đã nổi lên như một phương pháp tiếp cận mới, trong đó học sinh (HS) tự nghiên cứu tài liệu trước ở nhà, còn thời gian trên lớp được dành cho thảo luận và giải quyết vấn đề. Phương pháp này đã được áp dụng thành công trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả giáo dục lý luận chính trị (LLCT). Việc áp dụng mô hình LHĐN trong giảng dạy pháp luật môn Giáo dục công dân ở bậc trung học phổ thông đã mang lại nhiều ưu điểm, như tăng tính tự lập và kỹ năng làm việc nhóm của HS [4]. Tuy nhiên, việc triển khai mô hình này trong dạy học trực tuyến (DHTT) các môn LLCT vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Do đó, cần có những nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này, từ đó đề xuất giải pháp nhằm áp dụng hiệu quả mô hình LHĐN trong bối cảnh DHTT các môn LLCT.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm về LHĐN

LHĐN (Flipped Classroom) là một phương pháp sư phạm trong đó nội dung học tập được chuyển giao bên ngoài lớp học, thường thông qua các tài liệu trực tuyến, để dành thời gian trên lớp cho các hoạt động tương tác và thực hành [2]. Nguyễn Chính (2016) định nghĩa LHĐN là sự thay đổi tiến trình dạy học so với mô hình truyền thống, trong đó HS tự học lý thuyết ở nhà và sử dụng thời gian trên lớp để thảo luận, giải quyết vấn đề và áp dụng kiến thức [3]. Còn Bishop và Verleger (2013) mô tả LHĐN như

một phương pháp sư phạm với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Phương pháp này bao gồm hai thành tố chính: việc giảng dạy cá nhân hóa thông qua các video bài giảng bên ngoài lớp học và các hoạt động học tập mang tính tương tác diễn ra trong lớp học [1].

Tóm lại, LHĐN là mô hình giáo dục kết hợp giữa việc tự học lý thuyết ngoài lớp và các hoạt động tương tác trong lớp, với sự hỗ trợ của công nghệ nhằm tối ưu hóa quá trình học tập, nâng cao hiệu quả và kỹ năng tư duy cho người học.

### 2.2. Lợi ích của mô hình LHĐN trong DHTT

*Thứ nhất*, tăng cường tính chủ động trong học tập của người học. Mô hình LHĐN yêu cầu sinh viên (SV) tự học lý thuyết thông qua các tài liệu trực tuyến trước buổi học. Điều này khuyến khích người học phát triển tính tự giác, khả năng tự nghiên cứu và chuẩn bị tốt hơn cho các hoạt động trên lớp. Việc tự học trước giúp SV nắm vững nền tảng kiến thức và dành thời gian trên lớp để tập trung vào các nội dung phức tạp hơn [1].

*Thứ hai*, tối ưu hóa thời gian học trên lớp. Thay vì tập trung vào việc giảng lý thuyết, mô hình này cho phép giảng viên (GV) sử dụng thời gian trên lớp để tổ chức các hoạt động tương tác như thảo luận, làm bài tập nhóm và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Điều này giúp SV phát triển kỹ năng tư duy phân biện và áp dụng kiến thức vào thực tế. Việc tăng cường các hoạt động trong lớp giúp người học hiểu sâu hơn và gắn kết lý thuyết với thực tiễn [3].

*Thứ ba*, hỗ trợ cá nhân hóa quá trình học tập. Với các bài giảng được cung cấp dưới dạng video hoặc tài liệu số, SV có thể học theo tốc độ riêng, xem lại

các nội dung chưa hiểu và tập trung vào các phần khó. GV cũng có thể thiết kế các bài tập và hoạt động phù hợp với nhu cầu và trình độ của từng nhóm SV, qua đó nâng cao hiệu quả giảng dạy.

*Thứ tư*, tăng tính tương tác và sự gắn kết giữa GV và SV. Trong LHDN, thời gian trực tiếp giữa GV và SV không còn bị chiếm dụng bởi các bài giảng tự động. Thay vào đó, GV có thể tương tác sâu hơn với từng SV, trả lời câu hỏi, hoặc hướng dẫn cách giải quyết vấn đề. Điều này tạo ra môi trường học tập tương tác, hỗ trợ SV phát triển toàn diện cả về kiến thức lẫn kỹ năng mềm.

*Thứ năm*, nâng cao hiệu quả sử dụng công nghệ trong giáo dục. Mô hình LHDN khai thác tối đa các công cụ công nghệ, từ nền tảng quản lý học tập (LMS) đến các ứng dụng hỗ trợ học trực tuyến. Việc này không chỉ cải thiện trải nghiệm học tập của SV mà còn giúp GV đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong thời đại số.

### **2.3. Đặc điểm đặc thù của các môn LLCT khi áp dụng mô hình LHDN trong DHTT**

*Thứ nhất*, tính trừu tượng và lý thuyết cao của nội dung học tập. Các môn LLCT thường liên quan đến các khái niệm, quan điểm và hệ thống tư tưởng mang tính trừu tượng, đòi hỏi người học phải có khả năng phân tích và tư duy logic. Việc áp dụng mô hình LHDN giúp SV nắm vững lý thuyết qua tài liệu tự học trước, sau đó tập trung vào việc làm rõ các nội dung khó hiểu và gắn lý thuyết với thực tiễn trong các buổi học trực tuyến.

*Thứ hai*, yêu cầu gắn kết giữa lý luận và thực tiễn. Một trong những đặc điểm quan trọng của các môn LLCT là khả năng áp dụng kiến thức lý luận vào phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Mô hình LHDN tạo điều kiện để GV tổ chức các hoạt động thực hành, thảo luận tình huống, hoặc phân tích các vấn đề xã hội cụ thể, giúp SV hiểu sâu hơn và phát triển tư duy phản biện.

*Thứ ba*, sự cần thiết của tư duy phản biện và phản ánh cá nhân. Học các môn LLCT không chỉ là tiếp thu kiến thức mà còn đòi hỏi SV phản ánh quan điểm cá nhân, đánh giá các hiện tượng xã hội dựa trên nền tảng lý luận. Mô hình LHDN khuyến khích SV chủ động tìm hiểu và suy nghĩ về các nội dung học tập trước khi tham gia lớp học, giúp họ chuẩn bị tốt hơn cho các cuộc thảo luận và tranh biện.

*Thứ tư*, tính liên ngành của các môn LLCT. Các môn học này thường tích hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực như lịch sử, triết học, kinh tế và xã hội học. Mô hình LHDN cho phép GV cung cấp tài liệu học tập đa

dạng và SV tự nghiên cứu từ nhiều góc độ, từ đó phát triển tư duy hệ thống và cách nhìn nhận toàn diện.

*Thứ năm*, yêu cầu cao về sự tham gia và tương tác. Các môn LLCT thường yêu cầu SV tham gia tích cực vào các hoạt động học tập như thảo luận nhóm, trình bày ý tưởng, hoặc đóng vai giải quyết vấn đề. Việc sử dụng mô hình LHDN trong DHTT tạo ra không gian để SV tham gia sâu hơn vào các hoạt động tương tác, từ đó nâng cao kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

### **2.4. Những khó khăn, thách thức khi áp dụng mô hình LHDN trong DHTT các môn LLCT**

*Thứ nhất*, khó khăn trong việc thiết kế và cung cấp học liệu chất lượng. Các môn LLCT thường bao gồm các nội dung trừu tượng và phức tạp, đòi hỏi học liệu phải chính xác, dễ hiểu và phù hợp với trình độ của SV. Việc xây dựng tài liệu tự học, như video bài giảng hoặc bài đọc trực tuyến, không chỉ đòi hỏi GV phải có kiến thức chuyên môn sâu mà còn cần kỹ năng thiết kế học liệu hấp dẫn. Nếu không được chuẩn bị tốt, học liệu có thể không truyền tải đầy đủ nội dung lý luận, khiến SV khó tiếp cận và nắm vững kiến thức.

*Thứ hai*, khả năng tự học và tính chủ động của SV còn hạn chế. Các môn LLCT đòi hỏi SV không chỉ hiểu lý thuyết mà còn phải suy nghĩ phản biện và áp dụng vào phân tích các vấn đề thực tiễn. Tuy nhiên, không phải SV nào cũng có đủ kỹ năng tự học hoặc động lực để hoàn thành nhiệm vụ trước buổi học. Điều này có thể dẫn đến việc họ không chuẩn bị kỹ càng, gây khó khăn trong các buổi thảo luận hoặc hoạt động trên lớp, làm giảm chất lượng học tập và tương tác.

*Thứ ba*, hạn chế về hạ tầng công nghệ và kỹ thuật. DHTT các môn LLCT yêu cầu một nền tảng công nghệ ổn định để hỗ trợ các hoạt động như trình bày tài liệu, thảo luận nhóm và làm bài tập tương tác. Tuy nhiên, tại một số cơ sở giáo dục, hạ tầng công nghệ chưa đáp ứng đủ yêu cầu hoặc đường truyền internet không ổn định, đặc biệt đối với SV ở vùng sâu, vùng xa.

*Thứ tư*, thiếu kỹ năng công nghệ của GV và SV. GV dạy các môn LLCT thường quen với phương pháp giảng dạy truyền thống và có thể chưa được đào tạo đầy đủ về việc sử dụng công nghệ trong giảng dạy trực tuyến. SV cũng có thể gặp khó khăn trong việc sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập hoặc không quen với phương pháp học tập yêu cầu nhiều sự chủ động này.

*Thứ năm*, hạn chế trong việc tạo tương tác sâu

sắc giữa GV và SV. Các môn LLCT đòi hỏi sự tương tác thường xuyên giữa GV và SV để giải thích các khái niệm trừu tượng và hướng dẫn phân tích các vấn đề thực tiễn. Trong môi trường trực tuyến, sự thiếu tương tác trực tiếp có thể làm giảm hiệu quả truyền đạt các nội dung này. Một số SV có thể ngại trao đổi hoặc thảo luận, khiến việc kết nối giữa GV và SV trở nên khó khăn hơn.

*Thứ sáu*, áp lực thời gian và khối lượng công việc của GV. Dạy các môn LLCT theo mô hình LHDN đòi hỏi GV phải đầu tư nhiều thời gian để thiết kế học liệu, chuẩn bị các hoạt động trên lớp và hỗ trợ SV trong quá trình học. Với khối lượng nội dung lớn và yêu cầu cao về tính chính xác, GV có thể gặp áp lực lớn, đặc biệt khi phải cân bằng với các nhiệm vụ khác.

### **2.5. Một số giải pháp để triển khai hiệu quả mô hình LHDN trong DHTT các môn LLCT**

*Thứ nhất*, để đảm bảo học liệu đáp ứng yêu cầu của các môn LLCT, GV cần được hỗ trợ về thời gian, công cụ và chuyên môn. Nhà trường có thể tổ chức các buổi tập huấn giúp GV thiết kế video bài giảng hoặc sử dụng các phần mềm tạo nội dung số. Học liệu cần được kiểm duyệt bởi hội đồng chuyên môn để đảm bảo tính chính xác, rõ ràng và phù hợp với từng nhóm SV. Ngoài ra, nên đa dạng hóa tài liệu, kết hợp video ngắn, bài đọc và câu hỏi tương tác để SV dễ dàng tiếp cận và hiểu sâu nội dung.

*Thứ hai*, hỗ trợ SV phát triển kỹ năng tự học và tính chủ động. Để khắc phục hạn chế về khả năng tự học, GV cần hướng dẫn SV cách lập kế hoạch học tập, sử dụng tài liệu hiệu quả và tìm kiếm thông tin. Việc cung cấp các bài tập nhỏ, câu hỏi hướng dẫn hoặc checklist kèm theo tài liệu tự học sẽ giúp SV tập trung vào các nội dung trọng tâm. Nhà trường có thể xây dựng các buổi định hướng hoặc câu lạc bộ học tập trực tuyến để tạo môi trường hỗ trợ SV, khuyến khích họ chủ động hơn trong việc học LLCT.

*Thứ ba*, nâng cấp hạ tầng công nghệ và kỹ thuật. Nhà trường cần đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, đặc biệt là đường truyền internet và các nền tảng học trực tuyến. Hệ thống quản lý học tập (LMS) nên được tích hợp các tính năng như video hội thảo, bài kiểm tra trực tuyến và phòng họp nhóm. Đối với SV ở vùng khó khăn, nhà trường có thể cung cấp các tài liệu offline hoặc hỗ trợ thiết bị học tập như laptop, máy tính bảng để giảm thiểu tác động từ điều kiện hạ tầng kém.

*Thứ tư*, nâng cao kỹ năng công nghệ cho GV và SV. GV cần được đào tạo chuyên sâu về sử dụng các

công cụ hỗ trợ học tập trực tuyến và thiết kế học liệu số. SV cũng cần được hướng dẫn cách sử dụng các nền tảng học tập, tham gia thảo luận trực tuyến và khai thác tài nguyên học tập hiệu quả. Nhà trường có thể tổ chức các buổi tập huấn thực hành hoặc tài liệu hướng dẫn chi tiết nhằm nâng cao năng lực công nghệ cho cả GV và SV.

*Thứ năm*, tăng cường tương tác và kết nối giữa GV và SV. GV nên tổ chức các buổi thảo luận trực tuyến, bài tập nhóm, hoặc tình huống thực hành trong lớp học. Các công cụ như bảng tương tác trực tuyến (online whiteboard), khảo sát ý kiến (polls) và chức năng trò chuyện (chat) có thể được sử dụng để tăng tính tương tác. GV cần khuyến khích SV đặt câu hỏi, bày tỏ quan điểm cá nhân và tham gia tranh luận, giúp buổi học trở nên sôi động và hiệu quả hơn.

*Thứ sáu*, giảm áp lực thời gian và khối lượng công việc cho GV. Nhà trường nên hỗ trợ GV bằng cách cung cấp tài liệu mẫu, hướng dẫn sử dụng công cụ công nghệ và giảm tải các nhiệm vụ hành chính. Các công cụ tự động hóa, như hệ thống chấm điểm tự động hoặc quản lý bài tập trực tuyến, sẽ giúp GV tiết kiệm thời gian và tập trung hơn vào nội dung giảng dạy. Đồng thời, việc phối hợp giữa các GV để chia sẻ tài nguyên và kinh nghiệm cũng sẽ giúp giảm bớt gánh nặng công việc.

### **3. Kết luận**

Mô hình LHDN mở ra nhiều cơ hội đổi mới trong giảng dạy trực tuyến các môn LLCT, không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn rèn luyện tư duy phản biện và khả năng tự học của SV. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả tối ưu, cần vượt qua những thách thức thông qua việc triển khai các giải pháp trên một cách đồng bộ và sáng tạo. Từ đó, mô hình này không chỉ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời kỳ chuyển đổi số mà còn góp phần xây dựng một môi trường học tập hiện đại, linh hoạt và giàu tính tương tác.

### **Tài liệu tham khảo**

- [1]. Bishop, J. L., & Verleger, M. A. (2013). The flipped classroom: A survey of the research. *ASEE National Conference Proceedings*.
- [2]. Cao Thị Xuân Liên. (2017). Áp dụng mô hình LHDN để dạy kỹ năng viết cho SV ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hoá*, tập 1, số 3/2017.
- [3]. Nguyễn Chính. (2016). Dạy học theo mô hình Flipped Classroom. *Tạp chí Tia Sáng*. <https://s.net.vn/nSQk>
- [4]. Phương Nguyễn. (2016). LHDN. *Báo Tuổi trẻ*. <https://bom.so/6I8RFL>